

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/3/2022

“*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Hùng Minh

2. Ông Phạm Văn Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 13/2022/TLST- HNGĐ ngày 17/01/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/3/2022 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp 8, xã T, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Lê Trường S, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp 8, xã T, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

(Hiện đang chấp hành án tại Đội 1, phân trại 2, trại giam Xuân Lộc).

(Chị H, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11/01/2022, bản tự khai và lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H trình bày:**

Chị và anh Lê Trường S tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã Thành Hải, huyện Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Phạm Nhật T, sinh ngày 14/02/2007 và Lê Phạm Quỳnh A, sinh ngày 13/12/2010.

Cuộc sống chung hạnh phúc chỉ thời gian ngắn thì phát sinh sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh ham chơi, nghe theo bạn bè xấu nên năm 2009 đã phạm pháp và phải chấp hành án phạt tù thời gian 06 năm. Khoảng thời gian anh chấp hành án, chị có thăm nuôi và anh chị có con thứ 02. Sau khi chấp hành án về, năm 2018

anh phạm tội, bị xử phạt 10 năm tù, hiện đang chấp hành án tại Đội 1, phân trại 2, trại giam Xuân Lộc. Quá trình vợ chồng kết hôn, thời gian chung sống cùng nhau rất ngắn, đa số anh đi làm ăn xa và chấp hành án, một mình chị làm nuôi con. Chị không được quan tâm, chia sẻ nên không còn yêu thương, tình cảm với anh nữa, đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn với anh.

Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bản tự khai, lời khai trong hồ sơ, bị đơn anh Lê Trường S trình bày:**

Anh thống nhất với trình bày của chị H về thời gian kết hôn, quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh thừa nhận sau khi kết hôn, anh thường đi làm ăn xa, ít khi ở gần vợ con và có 02 lần phạm tội phải chấp hành án với mức án 6 năm và 10 năm. Hiện anh đang chấp hành án tại Đội 1, phân trại 2, trại giam Xuân Lộc cho mức án 10 năm và đã chấp hành án từ năm 2018. Thời gian chấp hành án cũng còn dài, quá trình kết hôn, vợ chồng sống cùng nhau rất ngắn nên chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh.

Anh đồng ý giao 02 cháu Lê Phạm Nhật T, sinh ngày 14/02/2007 và Lê Phạm Quỳnh A, sinh ngày 13/12/2010 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:**

Bản tự khai; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao chứng thực); giấy khai sinh của hai con chung (bản sao); giấy đăng ký kết hôn (bản chính); các biên bản lấy lời khai (bản chính).

*** Quan điểm của Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ:** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 89, 91 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị H và anh S ly hôn; về con chung giao 02 cháu Lê Phạm Nhật T, sinh ngày 14/02/2007 và Lê Phạm Quỳnh A, sinh ngày 13/12/2010 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh S không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Phạm Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Trường S, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lê Trường S có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại ấp 8, xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Ngọc H và anh Lê Trường S có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Hải, huyện Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận vào năm 2007, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H nhận thấy:

Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì anh chị kết hôn với nhau từ năm 2008 nhưng khoảng thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau rất ngắn, anh phải đi chấp hành án tù thời gian 4,5 năm và 10 năm, (hiện vẫn đang chấp hành án). Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con một mình chị đảm đương. Chị không còn tình cảm với anh, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn.

Anh S thừa nhận thời gian vợ chồng sống cùng nhau rất ngắn, hiện anh vẫn còn đang chấp hành án. Chị yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Chị H yêu cầu ly hôn, anh S đồng ý, chị H và anh S có đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng nên xử cho chị H được ly hôn với anh S.

[5] Về con chung: chị H và anh S thống nhất giao 02 cháu Lê Phạm Nhật T, sinh ngày 14/02/2007 và Lê Phạm Quỳnh A, sinh ngày 13/12/2010 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh S không cấp dưỡng nuôi con. Đây là thỏa thuận của anh chị và phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhật Tuấn và Quỳnh Anh, nên ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: do đương sự khai không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: chị H phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, Điều 11, Điều 85; khoản 1 Điều 89, Điều 91, 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H.
- Chị Phạm Thị Ngọc H được ly hôn với anh Lê Trường S.

- Về con chung: Giao 02 cháu Lê Phạm Nhật T, sinh ngày 14/02/2007 và Lê Phạm Quỳnh A, sinh ngày 13/12/2010 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh S không cấp dưỡng nuôi con.

Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp sang án phí (Biên lai số 0000968 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ).

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Thành Hải, huyện Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận;
- Hồ sơ vụ án.
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải Yến

